

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 168/2022/DS-ST

Ngày: 29-12-2022

V/v tranh chấp

Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tấn Phát;

2. Ông Trần Hoài Duy

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thúy A, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số MS, đường T C, khu phố N L, phường N T, thành phố T N, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Lê Thị Kiều D, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp N A, xã B N, huyện D M C, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 12/5/2022); có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Chị Nguyễn Thị Phương N, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số MMH, hẻm MB, đường T C, tổ MB, khu phố H T, phường H N, thành phố T N, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2.2. Anh Lê Hoàng N, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số BS/S, khu phố L T, phường L T B, thị xã H T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP V N T V; địa chỉ: Số TC L H, phường L H, quận Đ Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội

đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Thái Thị Hồng H - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung Tâm Thu Hồi Nợ KHCN - Khối KHCN - Ngân hàng TMCP V N T V; bà H ủy quyền lại cho anh Lê Văn H - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13-5-2022 của nguyên đơn, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án của người đại diện nguyên đơn chị Lê Thị Kiều D trình bày:

Chị Đỗ Thị Thúy A và chị Nguyễn Thị Phương N là chỗ quen biết nhau nên chị A có cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Phương N và anh Lê Hoàng vay tiền nhiều lần tổng cộng số tiền là 1.165.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng, cụ thể như sau:

- + Ngày 03-11-2020 vay số tiền 60.000.000 đồng hẹn ngày 03-12-2020 trả;
- + Ngày 22-02-2021 vay số tiền 60.000.000 đồng hẹn ngày 22-5-2021 trả;
- + Ngày 22-02-2021 vay số tiền 135.000.000 đồng hẹn ngày 25-5-2021 trả;
- + Ngày 06-01-2022 vay số tiền 760.000.000 đồng hẹn 6 tháng trả;
- + Ngày 05-5-2022 vay số tiền 150.000.000 đồng.

Ngày 23-4-2022 chị N tự nguyện đem xe ô tô biển số 70A-312.30 do anh Lê Hoàng N đứng tên giao cho chị A để làm tin; sau đó chị N tiếp tục vay tiền và từ đó đến nay không liên lạc được. Nay chị A yêu cầu chị N và anh N trả số tiền 1.165.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày 05-5-2022 đến khi xét xử.

Đến ngày 09-11-2022 chị Đỗ Thị Thúy A có đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với anh Nam là không yêu cầu anh Lê Hoàng N trả nợ và không yêu cầu Tòa án giải quyết về chiếc xe ô tô biển số 70A-312.30 do anh Lê Hoàng N đứng tên.

Tại phiên tòa chị Lê Thị Kiều D là người đại diện cho chị Đỗ Thị Thúy A trình bày xin rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu chị Nguyễn Thị Phương N trả cho chị Đỗ Thị Thúy A số tiền 1.150.800.000 đồng.

- Tại bản tự khai ngày 15-9-2022 và đơn phản hồi của bị đơn anh Lê Hoàng N trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Phương N đã ly thân năm 2021 do vợ chồng mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh và chị N đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 07 ngày 10-01-2022 của Tòa án nhân dân thị xã H T, tỉnh Tây Ninh; anh hoàn toàn không biết và không ký tên các giấy vay tiền ngày 03-11-2020, ngày 22-02-2021 và hợp đồng vay tài sản ngày 06-01-2022; từ thời gian ly hôn đến nay anh không có liên quan gì đến chị N và cũng không biết chị N ở đâu. Nay chị A khởi kiện yêu cầu chị N và anh trả số tiền 1.165.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật anh không đồng ý; riêng giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Vios biển số 70A-312.30 trong thời gian chưa ly hôn anh và chị N mua trả góp của Ngân hàng VPBank, theo hợp đồng của Ngân hàng anh là người đứng tên; đến ngày 23-12-2021 anh

và chị N đã ly hôn, theo thỏa thuận giữa anh và chị N thì anh nuôi con, chị Nhung sở hữu chiếc xe ô tô biển số 70A-312.30 đồng thời chị N trả tiền theo đúng hợp đồng của Ngân hàng VPBank; từ đó đến nay anh không còn liên quan gì đến chiếc xe và không biết xe đang ở đâu.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Phương N vắng mặt; Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng, niêm yết theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nhưng chị N không đến Tòa án và cũng không có bản trình bày ý kiến nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Theo bản tự khai ngày 17-10-2022 của Ngân hàng TMCP V N T V và các lời khai tại Tòa án của người đại diện Ngân hàng TMCP V N T V anh Lê Văn H trình bày:

Ngày 31-5-2021 anh Lê Hoàng N có ký hợp đồng vay vốn với Ngân hàng TMCP V N T V vay số tiền 408.000.000 đồng và anh N, chị N có ký hợp đồng thế chấp chiếc xe TOYOTA VIOES, biển số xe 70A - 31230 cho Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay tiền trên; hiện anh N đã trễ hạn thanh toán tiền, sau đó ngân hàng nhận được thông báo của Tòa án là chị N đã đem tài sản đảm bảo thế chấp giao cho chị A. Nay Ngân hàng yêu cầu chị Đỗ Thị Thúy A giao lại chiếc xe TOYOTA VIOES, biển số xe 70A – 31230 là tài sản bảo đảm cho Ngân hàng để giải quyết khoản nợ vay của chị N, anh N tại Ngân hàng.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T N:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; đương sự có mặt tại phiên tòa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469; Điều 470 của Bộ luật Dân sự; điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ Luật Tố tụng Dân và Nghị Quyết số: 326. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Thúy A buộc chị Nguyễn Thị Phương N trả cho chị A số tiền 1.150.800.000 đồng vốn gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật; về án phí và chi phí tố tụng chị N phải chịu theo luật định; đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị A đối với anh Lê Hoàng N; đối với yêu cầu xử lý xe TOYOTA VIOES, biển số xe 70A - 31230 và số tiền 14.200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Phương N vắng mặt Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào các giấy vay tiền và hợp đồng vay tiền nội dung thể hiện chị Nguyễn Thị Phương N có mượn của chị Đỗ Thị Thúy A số tiền 1.165.000.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Ngày 03-11-2020 vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn 01 tháng, ngày 03-12-2020 trả;

+ Ngày 22-02-2021 vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn 03 tháng, ngày 22-5-2021 trả;

+ Ngày 22-02-2021 vay số tiền 135.000.000 đồng, thời hạn 3 tháng, chậm nhất đến ngày 25-5-2021 trả;

+ Ngày 06-01-2022 vay số tiền 760.000.000 đồng, thời hạn 6 tháng trả;

+ Ngày 05-5-2022 vay số tiền 150.000.000 đồng.

Sau khi vay đến nay chị N không trả tiền cho chị A và chị A không liên lạc được với chị N nên chị A khởi kiện yêu cầu chị N và anh N trả số tiền 1.165.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật tính từ ngày 05-5-2022 đến khi xét xử. Tại phiên tòa chị Lê Thị Kiều D là người đại diện cho chị Đỗ Thị Thúy A trình bày xin rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu chị Nguyễn Thị Phương N trả cho chị Đỗ Thị Thúy A số tiền 1.150.800.000 đồng và tính lãi từ ngày 05-5-2022 đến ngày xét xử.

[2.1] Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Phương N đã được Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng, niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; nhưng chị N không đến Tòa án và cũng không có bản trình bày ý kiến; ngày 16-9-2022 chị Đỗ thị Thúy A có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết chữ ký tên của chị N trong các giấy vay tiền trên. Tại Kết luận giám định số: 5361/KL-KTHS ngày 07-10-2022 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chữ ký, chữ viết “Nguyễn Thị P N” (Nguyễn Thị Phương N) dưới mục: “Người vay tiền”, “Bên B” trên 04 tài liệu cần giám định A1 đến A4 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Phương N (Nguyễn Thị P N) trên 03 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là do cùng một người ký, viết ra.

[2.2] Còn đối với anh N quá trình giải quyết vụ án anh N trình bày anh và chị N đã thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 07/2022/QĐ-CNHGT-HNGĐ ngày 10-01-2022 của Tòa án nhân dân thị xã H T, tỉnh Tây Ninh; anh hoàn toàn không biết và không ký tên vào các giấy vay tiền của chị A; từ thời gian ly hôn đến nay anh không có liên quan gì đến chị N và cũng không biết chị N ở đâu. Nay chị A khởi kiện yêu cầu chị N và anh trả số tiền 1.165.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật anh không đồng ý; ngày 09-11-2022 chị A có đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết đối với anh N là không yêu cầu anh N cùng với chị N trả nợ cho chị A. Do đó có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị Thúy A đối với chị Nguyễn Thị Phương N.

[3] Xét về chứng cứ: Căn cứ các giấy vay tiền và hợp đồng vay tiền sau:

+ Ngày 03-11-2020 vay số tiền 60.000.000 đồng;

- + Ngày 22-02-2021 vay số tiền 60.000.000 đồng;
- + Ngày 22-02-2021 vay số tiền 135.000.000 đồng;
- + Ngày 06-01-2022 vay số tiền 760.000.000 đồng;

Quá trình giải quyết vụ án tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa chỉ D là người đại diện của chị A xác định các giấy mượn tiền chị cung cấp là đúng do chị N viết và ký tên; cũng như tại Kết luận giám định số: 5361/KL-KTHS ngày 07-10-2022 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chữ ký, chữ viết “Nguyễn Thị P N” (Nguyễn Thị Phương N) dưới mục: “Người vay tiền”, “Bên B” trên 04 tài liệu cần giám định A1 đến A4 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Phương N (Nguyễn Thị P N) trên 03 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 là do cùng một người ký, viết ra.

Ngoài ra chị A cung cấp bản sao kê tài khoản chuyển tiền của chị A tại Ngân hàng Vietcombank cho chị N thể hiện ngày 05-5-2022 chị An có chuyển số tiền 144.000.000 đồng cho chị N và chị N chuyển cho chị A số tiền 8.200.000 đồng. Tại phiên tòa chỉ D là người đại diện cho chị An xác định là đúng. Do đó có cơ sở xác định chứng cứ trong vụ án là đúng sự thật.

[4] Xét đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện của chị An trình bày hai bên có thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng bên ngoài, nhưng không ghi trong giấy vay tiền. Nay yêu cầu tính mức lãi suất theo quy định của pháp luật và tính từ ngày 05-5-2022 đến khi xét xử. Xét thấy căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự, số tiền vay là 1.150.800.000 tính từ ngày 05-5-2022 đến ngày 29-12-2022 (xét xử sơ thẩm) là 07 tháng 24 ngày số tiền lãi là 74.502.792 đồng.

[5] Riêng đối với chiếc xe TOYOTA VIOES, biển số xe 70A - 31230 do anh Nam đứng tên và chị N, anh N đã thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay tiền của Ngân hàng; ngày 23-4-2022 chị N tự nguyện đem xe đến giao cho chị A để làm tin. Quá trình giải quyết vụ án ngày 16-9-2022 chị A có đơn yêu cầu Tòa án định giá, tại biên bản định giá ngày 20-9-2022 của Hội đồng định giá, trị giá chiếc xe TOYOTA VIOES, biển số xe 70A - 312.30 là 490.000.000 đồng. Đến ngày 09-11-2022 chị A có đơn xin rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với chiếc xe biển số xe 70A - 31230 do anh N đứng tên và tại phiên tòa chỉ D là người đại diện cho chị A trình bày cũng đã xác định việc chị N giao xe cho chị A là không đúng đây là giao dịch bất hợp pháp nên không yêu cầu giải quyết (khi giao xe chị N có nói và chị A cũng biết chiếc xe biển số xe 70A - 31230 do anh N đứng tên đang thế chấp tại Ngân hàng). Đồng thời cũng như theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án ngày 10-01-2022 của Tòa án nhân dân thị xã H T, tỉnh Tây Ninh thể hiện về tài sản chung chị N và anh N không yêu cầu giải quyết nên đối với chiếc xe TOYOTA VIOES, biển số xe 70A - 31230 do anh N đứng tên chị A có trách nhiệm trả lại cho anh N và chị N.

[6] Xét đối với việc Ngân hàng TMCP V N T V yêu cầu chị Đỗ Thị Thúy A giao lại tài sản bảo đảm cho Ngân hàng là chiếc xe TOYOTA VIOES, biển số xe 70A - 31230 để giải quyết khoản nợ vay của chị N, anh N tại Ngân hàng Ngân hàng TMCP V N T V. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Ngân hàng trình bày xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án này, sẽ khởi kiện anh N và chị N trong vụ án khác nên Hội đồng xét xử không đặc ra giải quyết.

[7] Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự đình chỉ không giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Thúy A về việc anh Lê Hoàng N có trách nhiệm trả nợ cho chị A và không giải quyết đối với chiếc xe TOYOTA VIOES, biển số xe 70A – 31230 do anh Lê Hoàng N đứng tên. Do ngày 09-11-2022 chị Đỗ Thị Thúy A có đơn xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện.

[8] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Từ những nhận định trên có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của chị Đỗ Thị Thúy A đối với chị Nguyễn Thị Phương N và anh Lê Hoàng N; buộc chị Nguyễn Thị Phương N có trách nhiệm trả cho Đỗ Thị Thúy A số tiền 1.150.800.000 đồng vốn gốc và 74.502.792 đồng tiền lãi.

[10] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; do yêu cầu của chị A được Tòa án chấp nhận nên chị N phải chịu 48.759.003 đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự; chị A không phải chịu tiền án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 23.475.000 đồng theo biên lai thu số: 0000994 ngày 19-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;

[11] Về chi phí tố tụng: Ghi nhận chị Đỗ Thị Thúy A chịu tiền chi phí giám định và chi phí định giá tài sản 10.000.000 đồng, đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự; điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Thúy A đối với chị Nguyễn Thị Phương N và anh Lê Hoàng N; buộc chị Nguyễn Thị Phương N có trách nhiệm trả cho chị Đỗ Thị Thúy A số tiền 1.225.302.792 (một tỉ hai trăm hai mươi lăm triệu ba trăm lẻ hai nghìn bảy trăm chín mươi hai) đồng (trong đó 1.150.800.000 đồng tiền vốn gốc và 74.502.792 đồng tiền lãi).

2. Đình chỉ không giải quyết đối với yêu cầu của chị Đỗ Thị Thúy A về việc anh Lê Hoàng N có trách nhiệm trả nợ cho chị Đỗ Thị Thúy A và

không giải quyết đối với chiếc xe TOYOTA VIOES, biển số xe 70A – 31230 do anh Lê Hoàng N đứng tên.

3. Chị Đỗ Thị Thúy A trả lại chiếc xe TOYOTA VIOES, biển số xe 70A – 31230 cho chị Nguyễn Thị Phương N và anh Lê Hoàng N

4. Án phí sơ thẩm dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Phương N phải chịu 48.759.003 đồng.

- Hoàn trả cho chị Đỗ Thị Thúy A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 23.475.000 đồng theo biên lai thu số: 0000994 ngày 19-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

5. Chi phí tố tụng: Ghi nhận chị Đỗ Thị Thúy A chịu tiền chi phí giám định và chi phí định giá tài sản 10.000.000 đồng, đã nộp đủ.

6. Kể từ ngày chị Đỗ Thị Thúy A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Phương N chưa thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả cho chị A số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

7. Báo cho các đương sự biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đối các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã (phường) nơi cư trú.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- PKTNV TA tỉnh;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Phan Tuyến

